TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - PT
Ngày 08 - 01 - 2020
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2019/TLPT - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2019/HNGĐ - ST, ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2019/QĐ - PT ngày 06 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐ - PT ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 64, đường N, khu vực A, phường N, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 64, đường N, khu vực A, phường N, thành phố V, tỉnh Hậu

Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau từ năm 1979, có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1994 thì mới đi đăng ký kết hôn nhưng hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ông C không còn giữ. Ông và bà Đ có 03 người con hiện tại đều đã trưởng thành là Nguyễn Thanh P sinh năm 1981, Nguyễn Thanh Đ1 sinh năm 1983 và Nguyễn Cẩm H sinh năm 1990. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ ông ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông có người phụ nữ khác bên ngoài. Khi ông bị bệnh thì bà Đ và con cái không ai quan tâm chăm sóc cho ông. Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: Ông và bà Đ có tài sản, nhưng ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông và Đ không có nợ chung.

Về con chung: Các con chung của ông và bà Đ đã trưởng thành và đã tự lo cuộc sống nên ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với ông C về thời gian kết hôn và về con chung, bà Đ không nhớ rõ thời gian bắt đầu chung sống với ông C là thời gian nào, nhưng bà chỉ nhớ là đã 40 năm, khi làm đám cưới bà Đ đã 22 tuổi. Bà Đ không đồng ý ly hôn với ông C do ông C có quen người phụ nữ khác.

Về tài sản chung: Bà thống nhất với trình bày của ông C, vợ chồng bà có tài sản chung nhưng bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

Về con chung: Các con chung của bà với ông C đã trưởng thành và đã tự lo cuộc sống nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2019/HNGĐ – ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2019/HNGĐ – ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm, bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại khu vực A, phường N, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 8 năm 2019 bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và không đồng ý ly hôn với nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Đ có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1979, trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Ông C khai có đăng ký kết hôn, nhưng không cung cấp được bản chính hoặc bản sao giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà Đ là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận (Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Trong thời gian chung sống ông C và bà Đ có phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng trở về đoàn tựu với nhau nhưng ông C không đồng ý, ông C vẫn kiên quyết ly hôn, không muốn tiếp tục chung sống với bà Đ nữa nên ông C đã sống ly thân với bà Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C vẫn cương quyết xin ly hôn với bà Đ và khẳng định vợ chồng ông không thể hàn gắn với nhau được nữa. Bà Đ cũng xác định giữa bà và ông C có phát sinh mâu thuẩn do ông C có người phụ nữ khác. Từ đó cho thấy giữa ông C và bà Đ không còn tình cảm yêu thương, tin tưởng, tôn trọng nhau.

Bà Đ mong muốn đoàn tựu với ông C vì bà còn thương chồng, thương con. Nhưng từ lúc Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án đến ngày xét xử phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vẫn chưa hàn gắn được tình cảm vợ chồng, cả hai hiện tại vẫn đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẩn vợ chồng giữa ông C và bà Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là có căn cứ pháp luật. Bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo, yêu cầu được đoàn tựu với ông Nguyễn Văn C không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Các người con của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Đ đã trưởng thành, không có người con nào đã thành niên mất hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự khai không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra để xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2019/HNGĐ – ST ngày 14/8/2019 của Toà án nhân dân huyện thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C được miễn. Ông Nguyễn Văn C được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm, theo Biên lai thu số 0020336 ngày 17/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, bà Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000

đồng theo Biên lai thu số 0020549 ngày 20/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/01/2020.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng